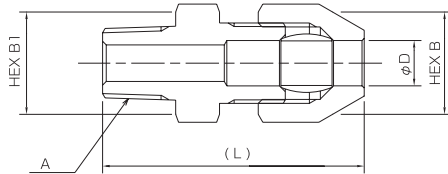


リングジョイント

RH (ハーフユニオン) 型

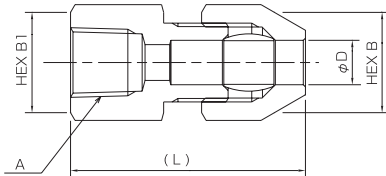
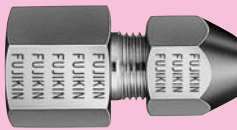


●寸法表

UNIT (mm)

呼び径 D	A	B	B1	L	品番
6	R1/8	14	14	35	RH-6A-R
6	R1/4	14	14	39	RH-6B-R
6	R3/8	14	17	41	RH-6C-R
6	R1/2	14	23	46	RH-6D-R
8	R1/8	14	14	35	RH-8A-R
8	R1/4	14	14	39	RH-8B-R
8	R3/8	14	17	41	RH-8C-R
8	R1/2	14	23	46	RH-8D-R
10	R1/8	17	14	40	RH-10A-R
10	R1/4	17	14	43	RH-10B-R
10	R3/8	17	17	45	RH-10C-R
10	R1/2	17	23	50	RH-10D-R
12	R1/8	19	17	45.5	RH-12A-R
12	R1/4	19	17	48.5	RH-12B-R
12	R3/8	19	19	50	RH-12C-R
12	R1/2	19	23	54.5	RH-12D-R

RG (ゲージユニオン) 型



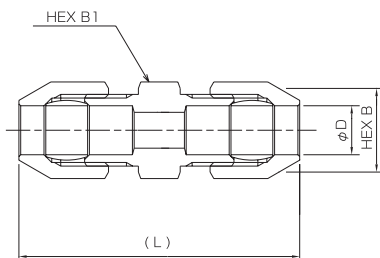
●寸法表

UNIT (mm)

呼び径 D	A	B	B1	L	品番
6	Rc1/8	14	14	32	RG-6A-R
6	Rc1/4	14	17	35	RG-6B-R
6	Rc3/8	14	21	37	RG-6C-R
6	Rc1/2	14	26	40	RG-6D-R
8	Rc1/8	14	14	32	RG-8A-R
8	Rc1/4	14	17	35	RG-8B-R
8	Rc3/8	14	21	37	RG-8C-R
8	Rc1/2	14	26	40	RG-8D-R
10	Rc1/4	17	17	39	RG-10B-R
10	Rc3/8	17	21	41	RG-10C-R
10	Rc1/2	17	26	44	RG-10D-R
12	Rc1/4	19	19	43.5	RG-12B-R
12	Rc3/8	19	21	45.5	RG-12C-R
12	Rc1/2	19	26	48.5	RG-12D-R

(Gネジも製作できます)

RF (ストレートユニオン) 型



●寸法表

UNIT (mm)

呼び径 D	B	B1	L	品番
6	14	14	45	RF-6-R
8	14	14	45	RF-8-R
10	17	17	54	RF-10-R
12	19	19	63.5	RF-12-R